

Bản án số: **42/2022/HNGĐ-PT**
Ngày: 07/12/2022
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phượng

Các Thẩm phán: Ông Trần Thanh Phong

Bà Bùi Lan Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Út – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 35/2022/TLPT- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 48/2022/HNGĐ-ST ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 42/2022/QĐ-PT ngày 14/11/2022, giữa các đương sự:

1. *Ng đơn:* ông Lương Hữu Ch, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp G, xã PĐ, huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* bà Trương Thị M, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp G, xã PĐ, huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

4. *Người kháng cáo:* Bà Trương Thị M, sinh năm 1971.

(Ông Ch, bà M có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án tóm tắt như sau:

-Theo Ng đơn ông Lương Hữu Ch trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Ch và bà Trương Thị M yêu thương, cưới nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 1994. Năm 1994 có đến Ủy ban nhân dân xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch xin tờ khai đăng ký kết hôn về viết nhưng không có nộp lại nên chưa được cấp giấy kết hôn. Đến năm 2009 thì ông bà mới đi đăng ký kết hôn và được UBND xã Phú Đông cấp giấy chứng nhận kết hôn số 109, quyển 01 ngày 29/9/2009.

Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc, cách đây khoảng mười mấy năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, Ng nhân là do bà M thường hay gây gổ chửi ông và mẹ ông. Sau khi mẹ ông chết thì bà M quay sang chửi ông và các anh chị em bên chồng và còn đuổi ông ra khỏi nhà. Ng nhân bà M chửi ông và gia đình bên chồng vì bà M nghi ngờ ông có người phụ nữ khác nhưng thực tế thì không có.

Trong giai đoạn giãn cách xã hội do Covid-19, ông phải túc trực tại cơ quan để thực hiện nhiệm vụ chống dịch mấy tháng, đến khi về nhà thì bà M vẫn chửi bới nên ông phải ra cơ quan để ngủ lại. Tháng 11/2021 ông bị dương tính với Covid-19, phải sang nhà mẹ ruột ở một mình, bà M ở ngay gần đó nhưng không hề chăm sóc hay lo cơm nước mà cứ khoảng một đến hai ngày lại sang kiểm chuyện chửi ông. Tính đến nay ông và bà M đã ly thân được khoảng một năm. Mặc dù ông đã nhiều lần cho bà M cơ hội sửa đổi để vợ chồng hàn gắn nhưng tính tình bà M vẫn không thay đổi nên vợ chồng không thể hòa giải đoàn tụ. Ông nhận thấy không còn tình cảm với bà M, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân với bà M được nữa nên kiên quyết ly hôn. Trường hợp Tòa án không chấp nhận cho ly hôn thì ông vẫn kiên quyết sống ly thân, không thể quay về sống chung nhà với bà M được nữa.

Về con chung: Có 02 con chung là Lương Thị Diễm S, sinh ngày 09/02/1995 và Lương Thị Thảo Ng, sinh ngày 22/10/2004. Hiện nay cháu S đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Còn cháu Ng chưa đủ 18 tuổi nên ông giao cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng, ông sẽ cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đồng/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Theo bị đơn bà Trương Thị M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông Lương Hữu Ch chung sống với nhau năm 1994, có tổ chức cưới nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã từ năm 1994. Đến năm 2009 ông, bà đăng ký kết hôn lại tại UBND xã Phú Đông nhưng trong giấy chứng nhận kết hôn lại ghi ngày 29/9/2009, không ghi đúng năm đăng ký kết hôn trước đây là năm 1994. Khi ông Ch nộp đơn

ly hôn bà đã gửi đơn đề nghị điều chỉnh nằm trong giấy chứng nhận kết hôn đến UBND xã Phú Đông và Phòng tư pháp huyện Nhơn Trạch. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2018 có xảy ra mâu thuẫn nhỏ vợ chồng có lời qua tiếng lại. Việc ông Ch khai bà thường xuyên chửi bới ông, mẹ chồng và gia đình bên chồng là không đúng sự thật.

Khi ông Ch bị dương tính Covid-19, hàng ngày bà vẫn nấu cơm nước đưa qua cho ông Ch. Ông Ch đã tự dọn qua nhà mẹ ruột kể bên sống được khoảng 04 - 05 tháng thì làm đơn ly hôn. Bà không biết lý do vì sao mà ông Ch dọn ra ở riêng, nhưng bà cũng đã nhiều lần khuyên nhủ về sống chung nhưng ông không đồng ý. Từ thời điểm ông Ch làm đơn ly hôn, bà có qua gặp ông Ch một lần để hòa giải nhưng ông Ch không đồng ý. Nay ông Ch yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, bà không đồng ý vì còn thương ông và muốn các con có đầy đủ cha mẹ.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lương Thị Diễm S, sinh ngày 09/02/1995 và cháu Lương Thị Thảo Ng, sinh ngày 22/10/2004. Hiện nay 2 cháu đang sống với bà, cháu S đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Ng chưa đủ 18 tuổi, ông Ch giao cho bà tiếp tục nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng, do bà không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến.

Về tài sản chung: Bà không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về vấn đề tài sản.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản án sơ thẩm số 48/2022/HNGĐ-ST ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch căn cứ vào các Điều 28; 35; 264, 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” của Ng đơn ông Lương Hữu Ch đối với bị đơn bà Trương Thị M. Xử cho ông Lương Hữu Ch ly hôn bà Trương Thị M.

Về con chung: Giao cháu Lương Thị Thảo Ng, sinh ngày 22/10/2004 cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng, ông Ch cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/8/2022, bị đơn bà Trương Thị M kháng cáo toàn bộ bản án số 48/2022/HNGĐ-ST ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ng đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ng đơn vẫn giữ Ng yêu cầu xin ly hôn. Bị đơn giữ Ng yêu cầu kháng cáo. Các bên không thương lượng được với nhau về việc giải quyết vụ án. Các bên không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Bà M kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm nhưng không đưa ra được chứng cứ gì mới để chứng M cũng như theo tài liệu hồ sơ, lời khai của các bên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng của ông bà đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà M , giữ Ng bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị M :Theo ông Ch khai mối quan hệ vợ chồng của ông và bà M có nhiều mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài nhiều năm, dù đã cố gắng hòa giải, tháo gỡ nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn, không cải thiện được quan hệ vợ chồng nên ông kiên quyết ly hôn. Tại phiên tòa, bà M thừa nhận mối quan hệ của ông bà rạn nứt từ lâu, hiện nay không còn tình cảm gì với nhau nữa, ông Ch đã dọn ra ở riêng, bà nhiều lần kêu ông Ch về sống chung nhưng ông không đồng ý. Ông Ch có mối quan hệ với người phụ nữ khác từ lâu nhưng do ông đối xử với con chung không ra gì nên bà không đồng ý ly hôn với ông Ch .

[2] Tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*” và “*Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.*”. Xét thấy hiện nay, ông Ch đã không còn chung sống với bà M , giữa ông bà không còn tình cảm gì với nhau, mối quan hệ căng thẳng, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn nhau. Ông M cương quyết ly hôn, không muốn sống chung với bà M nữa. Thấy rằng, quan hệ vợ chồng luôn cần được sự vun đắp của cả đôi bên, vợ chồng cần thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, nhưng quan hệ hôn nhân của ông Ch và bà M hiện nay đã lâm vào tình trạng

trầm trọng, quá nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Ch là có căn cứ.

[3] Về giấy chứng nhận kết hôn: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M trình bày bà không còn thắc mắc hay ý kiến gì về năm cấp giấy kết hôn nên Tòa không xem xét.

[4] Về con chung: Vấn đề này tuy không nằm trong kháng cáo của bà M nhưng do tại thời điểm xét xử phúc thẩm, con chung Lương Thị Thảo Ng (sinh ngày 22/10/2004) đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Do vậy cần sửa phần con chung để phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Các vấn đề khác trong vụ án do không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa không xem xét.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị M. Sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 48/2022/HNGĐ-ST ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 264, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9 và Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của Ng đơn ông Lương Hữu Ch đối với bị đơn bà Trương Thị M.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Hữu Ch được ly hôn bà Trương Thị M.

- Về con chung: Có 02 con chung là Lương Thị Diễm S, sinh ngày 09/02/1995 và Lương Thị Thảo Ng, sinh ngày 22/10/2004. Hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên Tòa không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai tự thỏa thuận nên không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí, lệ phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông Ch phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Ch đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 00007434 ngày 04/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, ông Ch phải nộp thêm số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

- Án phí phúc thẩm: Bà M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008269 ngày 26/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Phượng

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Lan Hương

Trần Thanh Phong

Võ Thị Thanh Phụng